

Số: 2641/KH-UBND

Na Sang, ngày 12 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kế hoạch số 4294/KH-UBND, ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Phương án số 8441/PA-UBND, ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Hướng dẫn số 2429/HD-UBND, ngày 12/6/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức kỳ họp HĐND xem xét, quyết định đối với Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kết luận số 343-KL/ĐU, ngày 28/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã tại kỳ họp 12, ngày 28/5/2026 về chủ trương trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

Căn cứ Thông báo số 172-TB/ĐU, ngày 05/6/2026 của Đảng ủy xã Na Sang về điều chỉnh phương án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang;

Triển khai Phương án số 2275/PA-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã về sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

UBND xã Na Sang ban hành Kế hoạch tổ chức xin ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết về sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc lấy ý kiến Nhân dân phải bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, minh bạch; phản ánh trung thực ý chí, nguyện vọng của Nhân dân; tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện sắp xếp bản, tổ dân phố.

- Nội dung lấy ý kiến phải được thông tin đầy đủ, rõ ràng để Nhân dân nghiên cứu, thảo luận và tham gia ý kiến; kết quả lấy ý kiến là cơ sở để UBND xã hoàn thiện Đề án trình HĐND xã xem xét, quyết định theo quy định.

2. Yêu cầu

- Thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời đến Nhân dân địa phương về chủ trương và sự cần thiết sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố; từ đó tạo sự đồng thuận, thống nhất cao giữa cấp ủy, chính quyền và Nhân dân địa phương.

- Xác định đúng phạm vi, đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc sắp xếp bản, tổ dân phố; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phù hợp với đặc điểm dân cư, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, dân chủ và đúng quy định pháp luật.

- Kịp thời tham mưu trình Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết Nghị quyết về sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn đảm bảo thời gian và đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn hiểu đúng chủ trương và sự cần thiết của việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố; phương án sắp xếp, đối tượng, phạm vi tác động của việc lấy ý kiến, thời gian thực hiện lấy ý kiến; từ đó tạo sự đồng thuận, nhất trí cao của Nhân dân địa phương trong công tác sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và tổ chức xin ý kiến Nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương như: Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã, bản, tổ dân phố; đăng tải trên cổng thông tin điện tử; thông qua các hội nghị, cuộc họp bản, tổ dân phố, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt của các đoàn thể; niêm yết công khai tài liệu tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các bản, tổ dân phố. Nội dung tuyên truyền phải bảo đảm công khai, minh bạch, dễ hiểu, tạo điều kiện để Nhân dân nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến đối với Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối tượng, nội dung, phạm vi lấy kiến Nhân dân

2.1. Đối tượng lấy ý kiến:

Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

2.2. Nội dung, phạm vi lấy ý kiến Nhân dân

- Nội dung lấy ý kiến: Đề án sắp xếp bản, tổ dân phố của địa phương (*gồm phương án sắp xếp bản, tổ dân phố; tên gọi của bản, tổ dân phố sau sắp xếp; các trường hợp đặc thù và căn cứ xác định yếu tố đặc thù nếu có*).

+ Đối với các bản, tổ dân phố thực hiện sắp xếp: Lấy ý kiến nhân dân đối với Đề án sắp xếp bản, tổ dân phố của xã; phương án sắp xếp của bản, tổ dân phố và tên gọi sau sắp xếp của bản, tổ dân phố đó.

+ Đối với trường hợp các bản, tổ dân phố giữ nguyên không thực hiện sắp xếp: Lấy ý kiến đối với Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố của địa phương; phương án giữ nguyên bản, tổ dân phố và tên gọi của bản, tổ dân phố đó (*nếu thực hiện đổi tên*)

- Phạm vi: Tổ chức lấy ý kiến tại tất cả các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã.

3. Tài liệu phục vụ xin ý kiến Nhân dân

a) Thành phần tài liệu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân gồm:

- Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành Nghị quyết về sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

- Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn; bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố, người tham gia hoạt động trực tiếp ở bản, tổ dân phố; phương án sắp xếp, xử lý, bố trí nhà văn hóa, và đặt tên đối với bản, tổ dân phố sau sắp xếp.

- Danh mục các văn bản chủ trương của Đảng và quy định của Nhà nước về sắp xếp bản, tổ dân phố.

b) Tài liệu phục vụ xin ý kiến Nhân dân được đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND Na Sang; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Na Sang, Nhà văn hóa bản, tổ dân phố chịu tác động trực tiếp từ việc sắp xếp sáp nhập theo phương án đã được phê duyệt; được tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, tại các cuộc họp bản, tổ dân phố trong thời gian tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

III. HÌNH THỨC VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Hình thức: Tổ chức Hội nghị lấy ý kiến Nhân dân, thực hiện theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

2. Công khai Đề án

Tổ chức công khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố bằng hình thức

phù hợp như niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa bản, tổ dân phố; thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc các hình thức thông tin khác để Nhân dân biết, nghiên cứu và tham gia ý.

3. Tổ chức lấy ý kiến nhân dân

- Các bản, tổ dân phố lập danh sách đại diện hộ gia đình thường trú theo từng bản, tổ dân phố trên địa bàn để thực hiện việc lấy ý kiến của từng hộ gia đình. Danh sách đại diện hộ gia đình được ghi đầy đủ họ và tên, người đại diện hộ gia đình thực hiện quyền được lấy ý kiến phải đủ 18 tuổi trở lên tính đến ngày lấy ý kiến và là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

(có Mẫu số 01 kèm theo).

- Tổ chức Hội nghị lấy ý kiến Nhân dân:

+ Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Ban Công tác Mặt trận và tổ công tác lấy ý kiến Nhân dân, tổ chức Hội nghị lấy ý kiến Nhân dân tại cộng đồng dân cư.

+ Căn cứ Kế hoạch lấy ý kiến nhân dân Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và Bí thư chi bộ thông báo thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp đến đại diện hộ gia đình và các thành phần liên quan ít nhất 02 ngày trước ngày tổ chức họp bằng hình thức phù hợp theo quy định.

+ Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Trưởng Ban Công tác Mặt trận chủ trì tổ chức cuộc họp; thành phần tham dự gồm đại diện cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (nếu có); Bí thư chi bộ, Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở bản, tổ dân phố và đại diện các hộ gia đình trong bản, tổ dân phố.

+ Chủ trì cuộc họp trình bày tóm tắt Đề án; nêu rõ phương án sắp xếp, tên gọi sau sắp xếp, số lượng hộ gia đình, các yếu tố đặc thù *(nếu có)*.

+ Các đại biểu tham dự hội nghị thảo luận, tham gia ý kiến và biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc hình thức khác do Hội nghị quyết định.

+ Kết quả lấy ý kiến phải được lập thành biên bản theo từng bản, tổ dân phố, trong đó thể hiện đầy đủ các nội dung:

- Tổng số hộ gia đình.

- Tổng số đại diện hộ gia đình tham dự hội nghị, chiếm tỷ lệ %.

- Tổng số đại diện hộ gia đình nhất trí với Đề án sắp xếp bản, tổ dân phố, chiếm tỷ lệ %.

- Tổng số đại diện hộ gia đình không nhất trí với Đề án sắp xếp bản, tổ dân phố, chiếm tỷ lệ %.

- Tổng số đại diện hộ gia đình nhất trí với Phương án sắp xếp bản, tổ dân phố, chiếm tỷ lệ %.

- Tổng số đại diện hộ gia đình không nhất trí với Phương án sắp xếp bản, tổ dân phố, chiếm tỷ lệ %.

- Các ý kiến khác (nếu có).

(Có Mẫu số 02 kèm theo)

- Sau khi hoàn thành việc lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn, các bản, tổ dân phố gửi biên bản kết quả lấy ý kiến Nhân dân về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp.

* **Lưu ý:** Hội nghị lấy ý kiến nhân dân được tiến hành khi có ít nhất trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình của bản, tổ dân phố tham dự theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân

Giao Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp đầy đủ kết quả lấy ý kiến của các bản, tổ dân phố; lập báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân (Có Mẫu số 03 kèm theo) trình UBND xã, làm cơ sở hoàn thiện Đề án.

5. Thời gian lấy ý kiến: Từ ngày 15/6/2026 đến ngày 20/6/2026.

IV. HOÀN THIỆN ĐỀ ÁN VÀ TRÌNH HỌND CÙNG CẤP

1. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, tham mưu UBND xã giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý của Nhân dân; trường hợp không tiếp thu phải nêu rõ lý do.

2. Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Phòng Văn hóa - Xã hội hoàn thiện Đề án và tham mưu UBND xã trình HỌND xã xem xét, quyết định theo quy định.

3. Hồ sơ trình HỌND xã gồm:

- Tờ trình của UBND xã;
- Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố;
- Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Biên bản lấy ý kiến Nhân dân tại các bản, tổ dân phố;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;
- Dự thảo Nghị quyết của HỌND xã;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

4. Thời gian dự kiến trình HỌND xã: ngày 26/6/2026

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan thường trực, tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, bản, tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đảm bảo đúng quy định.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã Quyết định thành lập Tổ công tác

lấy kiến Nhân dân; chuẩn bị mẫu biên bản; hướng dẫn các bản, tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến; tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến Nhân dân.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Kế hoạch của UBND xã và Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố của UBND xã trên hệ thống Đài Truyền thanh xã, Công thông tin điện tử xã và các nền tảng mạng xã hội của địa phương.

- Tham mưu UBND xã hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND

- Phối hợp chuẩn bị các nội dung, điều kiện phục vụ việc tổ chức họp, trình Hội đồng nhân dân xã xem xét ban hành Nghị quyết.

- Tham mưu công tác phát hành văn bản, niêm yết công khai, đăng tải tài liệu trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Phối hợp chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ các Hội nghị, cuộc họp liên quan.

3. Công an xã

- Phối hợp với các bản, tổ dân phố cung cấp danh sách các hộ thường trú theo từng bản, tổ dân phố.

- Chủ động nắm tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu UBND xã xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh trật tự trong quá trình tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và triển khai thực hiện Đề án.

- Tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự, chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi dụng việc sắp xếp bản, tổ dân phố để gây mất đoàn kết, mất ổn định địa phương.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch. Cung cấp thông tin, số liệu liên quan phục vụ xây dựng đề án sắp xếp.

- Tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện, phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

5. Trung tâm Dịch Tổng hợp xã

Chủ trì thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên hệ thống truyền thanh và các nền tảng thông tin của địa phương; thực hiện đăng tải công khai tài liệu lấy ý kiến Nhân dân và các thông tin liên quan theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp với UBND xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ chủ trương, mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong Nhân dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Công tác mặt trận bản, tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở bản, tổ dân phố phối hợp tổ chức lấy ý kiến cử tri vào Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

7. Các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã

- Lập danh sách các hộ thường trú trên địa bàn mình quản lý, gửi về Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp báo cáo UBND xã.

- Thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời đến Nhân dân về chủ trương, sự cần thiết sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và nội dung, thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã thực hiện niêm yết tài liệu có liên quan phục vụ lấy ý kiến cử tri tại nhà văn hóa bản, tổ dân phố;

- Đề xuất, lập danh sách các thành viên tham gia Tổ công tác lấy ý kiến và tổ chức triển khai lấy ý kiến Nhân dân đảm bảo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và trình Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang. Ủy ban nhân dân xã Na Sang yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, các bản, tổ dân phố căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng nội dung, mục đích, yêu cầu và tiến độ đề ra. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Đăng tải trên cổng TTĐT xã;
- Lưu: VT.VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hồng Quân

Số: 2275/PA-UBND

Na Sang, ngày 28 tháng 5 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang

Căn cứ Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2026 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ về Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Thực hiện Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên, UBND xã Na Sang xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn, cụ thể như sau:

PHẦN I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG

CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15.
- Kết luận số 163-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị,

Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Kết luận số 186-KL/TW ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

5. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

6. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

7. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

8. Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

9. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

10. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ về Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

11. Công văn số 4176/UBND-NC, ngày 24/5/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về triển khai, rà soát, đề xuất phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố theo Chỉ thị 21/CT-TTg, ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

13. Kết luận số 343-KL/ĐU, ngày 28/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã tại kỳ họp 12, ngày 28/5/2026 về chủ trương trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

14. Căn cứ công văn số 514/CV-ĐU ngày 25/5/2026 của Đảng ủy xã về việc triển khai sắp xếp bản, tổ dân phố theo Chỉ thị số 21/CT-TTg, ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Xã Na Sang được hình thành từ việc sáp nhập nguyên hiện trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và dân cư của 04 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Mường Chà (cũ) bao gồm: Thị trấn Mường Chà, xã Ma Thì Hồ, xã Sa Lông, xã Na Sang theo Nghị

quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội với tổng diện tích tự nhiên của xã Na Sang là 360,91km².

Trong những năm qua, hệ thống các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang đã từng bước được củng cố, góp phần quan trọng trong việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Tuy nhiên, qua rà soát thực tế cho thấy một số bản, tổ dân phố còn tồn tại những hạn chế như: quy mô dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn dân cư phân tán, không đồng đều; quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ; công tác quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ bản, tổ dân phố còn gặp khó khăn; hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tiêu chuẩn quy mô bản, tổ dân phố; đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, đi lại, sản xuất của Nhân dân đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiến hành sắp xếp lại các thôn trên địa bàn.

Việc sắp xếp các bản, tổ dân phố nhằm mục tiêu: Bảo đảm quy mô dân số, số hộ phù hợp theo quy định, tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở bản, tổ dân phố. Thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước và tổ chức các phong trào tại địa phương, phát huy hiệu quả nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đáp ứng nguyện vọng và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. THỰC TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Khái quát chung

- Xã Na Sang có diện tích tự nhiên là 360,91km², xã có 39 bản, tổ dân phố, dân số 18.824 người.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp xã Huổi Mí, xã Mường Mùn.

+ Phía Tây giáp xã SiPa Phìn, cụm Nà lằm nước cộng hòa DCND Lào.

+ Phía Nam giáp xã Mường Pồn.

+ Phía Bắc giáp xã Mường Tùng.

- Tổng số hộ gia đình, nhân khẩu: 3.958 hộ, với 18.824 nhân khẩu.

- Đặc điểm địa bàn, dân cư, dân tộc, tôn giáo: Na Sang là xã biên giới; địa hình chủ yếu là đồi núi cao, bị chia cắt bởi nhiều khe suối và dãy núi. Giao thông

đi lại giữa các bản còn gặp nhiều khó khăn, nhất là vào mùa mưa. Dân cư trên địa bàn xã phân bố chủ yếu theo từng bản, sinh sống bằng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và lao động tự do. Trên địa bàn xã có một bộ phận Nhân dân theo tôn giáo, chủ yếu là đạo Tin lành; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản diễn ra ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Kết quả rà soát bản, tổ dân phố

(Có phụ lục 1,4 chi tiết kèm theo)

3. Thực trạng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách

(Có phụ lục 2,3 chi tiết kèm theo)

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ

1. Nguyên tắc xây dựng phương án

- Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý của chính quyền; kế thừa, giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư. Tôn trọng yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, giữ gìn sự ổn định của cộng đồng dân cư, không làm xáo trộn đến đời sống Nhân dân.

- Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các bản, tổ dân phố bảo đảm tiêu chí theo quy định để thành lập bản, tổ dân phố mới có quy mô phù hợp, bảo đảm sau sắp xếp các bản, tổ dân phố cơ bản đạt tiêu chí theo quy định.

2. Nội dung phương án sắp xếp

2.1. Các bản, tổ dân phố đảm bảo tiêu chí (giữ nguyên)

STT	Tên bản, tổ dân phố cũ	Tên bản mới sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Tổng số khẩu	Ghi chú
1	Bản Cò Đưa	Bản Co Đưa	152	702	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do thôn có nhiều cụm dân cư, địa bàn rộng
2	Bản Sa Lông 1	Bản Sa Lông 1	170	772	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do có khoảng cách xã với các thôn khác, giao thông đi lại khó khăn,...
3	Bản 36	Bản 36	255	1290	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do có khoảng cách xã với các thôn khác, giao thông đi lại khó khăn,...
4	Bản Sa Lông 2	Bản Sa Lông 2	155	882	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do có khoảng cách xã với các thôn khác, giao thông đi lại khó khăn,...
5	Bản Hồ Chim 2	Bản Hồ Chim 2	155	777	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do có khoảng cách xã với các thôn khác, giao thông đi lại khó khăn,...

6	Bản Na Sang	Bản Na Sang	197	890	Bản đã đảm bảo tiêu chí theo quy định và không thực hiện sắp xếp do có khoảng cách xã với các thôn khác
---	-------------	-------------	-----	-----	---

2.2. Các bản, tổ dân phố thực hiện sắp xếp (đảm bảo tiêu chí)

STT	Tên bản, tổ dân phố cũ	Tên bản mới sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Tổng số khẩu	Ghi chú
1	Bản Nà Pheo	Bản Na Pheo	242	1018	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, khu vực dân cư sát liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi.
	Tổ 11				
	Tổ 1, gồm 48 hộ (192 khẩu) từ khe nhà ông Lò Văn Hương trở xuống bản Na Pheo (phía sau khu B)				
2	Bản Hin 1	Bản Ta Luông	216	788	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi (lấy tên gọi là Bản Ta Luông do Bản Hin có 3 khe : Nậm Mực, Nậm Mươn, Ta Luông. 3 khe này đều chảy về cầu Mường Mươn, là chỗ tắm của rông và nhân dân gọi chung là khe Ta Luông. Ta là nước (trong tiếng Kháng), Luông (trong tiếng Kháng) là rông. Ta Luông là nơi rông tắm.
	Bản Hin 2				
3	Bản Huổi Xuân	Bản Huổi Xuân	162	888	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi....
	Bản Huổi Xưa				
4	Bản Hồ Chim 1	Bản Hồ Chim 1	261	1308	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....
	Bản Nậm Chim				
5	Bản Huổi Mý	Bản Huổi Sang	156	881	Thực hiện sắp xếp bản Huổi Sang và 26 hộ bản Huổi Quang 2 vào bản Huổi Mý do liền kề nhau và có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....
	Bản Huổi Quang 2, (gồm 26 hộ cụm 2)				
	Bản Huổi Sang				
6	Tổ 1 (gồm 125 Hộ (445 khẩu), tính từ khe nhà ông Lò Văn Hương trở lên)	Tổ 1	305	1110	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, các khu vực dân cư liền kề nhau.
	Tổ 2				
	Tổ 3				
	Tổ 4, gồm 25 hộ (64 khẩu), tính từ giáp ranh của tổ 3 đến khe nhà nhà Hạng Nhè Ly				
7	Tổ 5	Tổ 2	331	1207	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, các khu vực dân cư liền kề nhau.
	Tổ 6				
	Tổ 4 gồm 60 hộ (258 khẩu), tính từ khe nhà ông Phạm Quang Trung trở lên				

	giáp tổ 5				
	Tổ 7				
8	Tổ 8	Bản Nậm Muron	252	970	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, các khu vực dân cư liền kề nhau. (Lý do lấy tên gọi thôn Pá Muron: "Pá" là ngã ba, cửa ngõ của 3 tổ 8,9,10 ; " Muron" là có nhánh suối Nậm Muron chảy qua ngã ba)
	Tổ 9				
	Tổ 10				

2.3. Các bản thuộc trường hợp có yếu tố đặc thù

a) Các bản đề xuất giữ nguyên dù chưa đạt tiêu chí.

STT	Tên bản, tổ dân phố cũ	Tên thôn mới sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Tổng số khẩu	Ghi chú
1	Bản Huổi Lóng	Bản Huổi Lóng	91	546	Giữ nguyên, không sắp xếp do địa bàn rộng, dân cư phân tán thành 3 cụm; khoảng cách với bản liền kề (Bản Hin 1) khoảng 7km và đặc thù thành phần dân tộc, tôn giáo, hướng phát triển bản du lịch cộng đồng.
2	Bản Nậm Bó	Bản Nậm Bó	111	601	Giữ nguyên, không sắp xếp do địa bàn rộng, dân cư phân tán; khoảng cách với bản liền kề (Bản Huổi Hạ khoảng 8km, bản Na Sang khoảng 7km) và đặc thù thành phần dân tộc, tôn giáo, bản biệt lập với các bản khác.
3	Bản Chiêu Ly	Bản Chiêu Ly	98	525	Địa bàn rộng, chia cắt phức tạp khoảng cách với bản liền kề (bản Sa Lông 1) khoảng 8km; cách bản Thèn Pá khoảng 5km; dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, bản biệt lập, địa hình trên cao; có sự khác biệt về phong tục tập quán với các bản khác
4	Bản Thèn Pá	Bản Thèn Pá	73	425	Đặc thù văn hóa dân tộc Hoa (Xạ Phang) phong tục tập quán khác nhau với các dân tộc khác; khoảng cách với bản liền kề với bản gần nhất (bản Chiêu Ly) khoảng 5km; là bản biệt lập dưới thung lũng và có sự khác biệt về phong tục tập quán với các bản khác
5	Bản Cống Trồi	Bản Cống Trồi	64	336	Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Sa Lông 1) khoảng 6km; dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, hướng phát triển du lịch cộng đồng và có sự khác biệt về phong tục tập quán với bản Thèn Pá
6	Bản Ma Thi Hồ 1	Bản Ma Thi Hồ 1	66	392	Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Ma Thi Hồ 2) khoảng 7km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi, bản không theo tôn giáo.
7	Bản Làng Dung	Bản Làng Dung	89	475	Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Ma Thi Hồ 1) khoảng

					6km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi; bản có thành phần dân tộc, tôn giáo
8	Bản Ma Thì Hồ 2	Bản Ma Thì Hồ 2	90	476	Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Làng Dung) khoảng 6,5 km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, có thành phần dân tộc, tôn giáo, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi
9	Bản Huổi Chua	Bản Huổi Chua	61	322	Giữ nguyên do bản cách xa bản liền kề (bản Huổi Quang 1, Huổi Quang 2 gần 5km); dân cư sinh sống phân tán, giao thông đi lại khó khăn, địa hình chia cắt, có vị trí biệt lập, thành phần dân tộc, tôn giáo, bản giáp biên giới.

b) Các bản thực hiện sắp xếp (nhưng chưa đạt tiêu chí)

Số TT	Tên bản, tổ dân phố cũ	Tên bản mới sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Tổng số khẩu	Ghi chú
1	Bản Huổi Hạ	Bản Huổi Hạ	109	640	Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, có cùng đường biên giới, địa bàn đặc biệt khó khăn, dân cư sinh sống phân tán có thành phần dân tộc, tôn giáo, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi
	Bản Huổi Y (14 hộ)				
2	Bản Huổi Y(07 hộ)	Bản Huổi Quang	97	603	Thực hiện sắp xếp bản Huổi Quang 1; 15 hộ bản Huổi Quang 2 và 7 hộ bản Huổi Y do liền kề nhau, có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....
	Bản Huổi Quang 1				
	Bản Huổi Quang 2 (gồm 15 hộ cụm 1)				

3. Hình thức sắp xếp:

- Sáp nhập nguyên trạng;
- Ghép cụm dân cư;
- Chia tách để sáp nhập vào đơn vị liền kề;
- Điều chỉnh địa bàn dân cư.

4. Tên gọi sau sắp xếp: bản, tổ dân phố.

Sau sắp xếp xã Na Sang còn 25 bản, tổ dân phố gồm:

- 02 tổ dân phố: Tổ 1, Tổ 2.
- 23 bản: Bản Co Đứa, Bản Sa Lòng 1, Bản Sa Lòng 2, Bản Hồ Chim 2, Bản Hồ Chim 1, Bản Huổi Xuân, Bản Huổi Sang, Bản Huổi Chua, Bản Huổi Quang, Bản Huổi Hạ, Bản Huổi Lóng, Bản Nậm Bó, Bản Chiêu Ly, Bản Thèn Pả, Bản Cổng Trời, Bản Ma Thì Hồ 1, Bản Làng Dung, Bản Ma Thì Hồ 2, Bản Na Pheo, Bản Ta Luông, Bản Na Sang, Bản 36, Bản Nậm Mươn.

5. Quy mô hộ gia đình, nhân khẩu sau sắp xếp (có phụ lục 4 kèm theo)

III. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

1. Về nguyên tắc thực hiện

- Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với quá trình triển khai thực hiện sắp xếp bản, tổ dân phố ở địa phương.

- Rà soát, lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động quần chúng Nhân dân, từng bước trẻ hoá, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng và chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

- Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không tiếp tục bố trí, sử dụng đảm bảo ổn định tư tưởng và quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Dự kiến Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách

2.1. Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố dự kiến tiếp tục bố trí, sử dụng: 75 người, trong đó:

+ Bí thư chi bộ thôn, bản, tổ dân phố: 25 người.

+ Trưởng thôn, bản, tổ dân phố: 25 người.

+ Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, bản, tổ dân phố : 25 người.

2.2. Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố không tiếp tục bố trí, sử dụng: 42 người, trong đó:

+ Bí thư chi bộ: 14 người.

+ Trưởng bản/Tổ trưởng tổ dân phố: 14 người.

+ Trưởng ban Công tác Mặt trận: 14 người.

2.3. Phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với trường hợp dôi dư.

Sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập bản, tổ dân phố, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố sẽ dôi dư so với quy định. Để bảo đảm quyền lợi cho các cá nhân thôi đảm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố sau sắp xếp, Ủy ban nhân dân xã sẽ thực hiện các chế độ, chính sách như sau:

- Thực hiện rà soát, đánh giá toàn bộ đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trước khi sắp xếp; căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện,

năng lực, uy tín và yêu cầu nhiệm vụ để bố trí, sử dụng phù hợp đối với các chức danh tại bản, tổ dân phố mới sau sáp nhập.

- Đối với những người không tiếp tục bố trí công tác sau sáp xếp, Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Phần III

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN SÁP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SAU SÁP XẾP

1. Hiệu quả về tổ chức bộ máy và quản lý địa bàn

- Tổ chức bộ máy được tinh gọn hơn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của cấp ủy, chính quyền được tập trung, thống nhất; việc triển khai các chủ trương, chính sách đến Nhân dân thuận lợi hơn.

2. Hiệu quả về sử dụng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách

Đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách từng bước được bố trí phù hợp với năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được khai thác và sử dụng hiệu quả hơn, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước.

- Sau sáp xếp, quy mô địa bàn, dân số được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương.

4. Hiệu quả về quốc phòng, an ninh và đoàn kết cộng đồng

- Tinh thần đoàn kết trong Nhân dân cơ bản được giữ vững; người dân đồng tình, ủng hộ chủ trương sáp xếp của Đảng và Nhà nước.

- Sau sáp xếp, việc nắm tình hình cơ sở, quản lý nhân hộ khẩu, quản lý cư trú và giải quyết các vụ việc phát sinh được thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế các điểm nóng, tranh chấp và các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Hiệu quả về cải cách hành chính và chuyển đổi số

Việc quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn; công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được chuyển biến tích cực.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện

- Một số người dân còn tâm lý băn khoăn, lo lắng khi thực hiện sáp nhập bản do thay đổi tên gọi, địa giới, phong tục sinh hoạt hoặc ảnh hưởng đến lợi ích, tập quán sinh hoạt truyền thống của cộng đồng.

- Địa bàn sau sắp xếp rộng hơn, dân số tăng, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và đội ngũ người hoạt động ở bản.

- Việc bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản còn gặp khó khăn; một số trường hợp có tâm tư do chấm dứt hoặc thay đổi nhiệm vụ công tác.

- Một số bản có điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, thành phần dân tộc khác nhau nên quá trình thống nhất quy ước, hương ước và tổ chức các hoạt động chung còn gặp khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, vận động tại một số thời điểm chưa thật sự sâu rộng; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân có lúc chưa kịp thời.

- Một số quy định, hướng dẫn liên quan đến tổ chức hoạt động của bản sau sáp nhập còn chưa thống nhất hoặc thay đổi trong quá trình thực hiện, dẫn đến lúng túng ở cơ sở.

2. Hạn chế sau sắp xếp

- Hiệu quả hoạt động của một số bản sau sáp nhập chưa thật sự đồng đều; việc phối hợp triển khai nhiệm vụ ở một số nơi còn chậm.

- Công tác quản lý địa bàn rộng, dân số đông dẫn đến việc nắm bắt tình hình cơ sở có thời điểm chưa kịp thời.

- Một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý chưa đồng thuận hoàn toàn với việc sắp xếp, sáp nhập bản.

- Việc phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư ở một số nơi còn hạn chế; tinh thần tham gia các hoạt động chung chưa cao.

- Cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại một số bản sau sáp nhập còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; khoảng cách đi lại của người dân đến nhà văn hóa bản, địa điểm họp dân còn xa.

- Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở bản sau sắp xếp có nơi còn chưa phù hợp với năng lực, sở trường.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách có thời điểm chưa thường xuyên, chưa sâu rộng đến toàn thể Nhân dân.

- Một số bản có điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, thành phần dân tộc khác nhau nên quá trình thống nhất quy ước, hương ước và tổ chức các hoạt động chung còn gặp khó khăn.

- Công tác huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động của bản sau sáp nhập còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân ở một số thời điểm chưa thật sự sâu rộng, hình thức tuyên truyền chưa phong phú nên một bộ phận người dân chưa hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp.

- Địa bàn sau sáp nhập rộng hơn, dân số đông hơn trong khi lực lượng cán bộ ở cơ sở còn mỏng, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và triển khai nhiệm vụ.

- Việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở bản chịu tác động trực tiếp đến quyền lợi, chế độ nên phát sinh tâm tư, nguyện vọng trong quá trình thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số nội dung triển khai có lúc chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ.

- Một số văn bản hướng dẫn, quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của bản sau sáp nhập còn thay đổi hoặc chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

- Năng lực, kinh nghiệm của một số cán bộ, người hoạt động ở bản trong xử lý công việc sau sắp xếp còn hạn chế, nhất là trong giai đoạn đầu thực hiện.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đối với Tỉnh: Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các bản, tổ dân phố, nhất là về trình tự, thủ tục và hồ sơ theo quy định.

+ Xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác sắp xếp, tổ chức hội nghị cử tri, kiện toàn tổ chức và xử lý cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp.

+ Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư sau sắp xếp theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là Phương sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang, kính gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể;
- Trưởng các bản, tổ dân phố;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hồng Quân

Số: /ĐA-UBND
(DỰ THẢO)

Na Sang, ngày tháng năm 2026

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ, BỐ TRÍ, SỬ DỤNG NGƯỜI
HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NA SANG

Thực hiện Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Phương án số 4841 ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Ủy ban nhân dân xã Na Sang xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, gọi chung là tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, cụ thể như sau

Phần thứ nhất

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP
BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kết luận số 210-KL/TW ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Kết luận số 163-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Kết luận số 186-KL/TW ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

- Nghị định số 185/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới;

- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Phương án số 4841 ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Kết luận số 343-KL/ĐU, ngày 28/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã tại kỳ họp 12, ngày 28/5/2026 về chủ trương trình cấp có thẩm quyền phương án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

- Căn cứ công văn số 514/CV-ĐU ngày 25/5/2026 của Đảng ủy xã về việc triển khai sắp xếp bản, tổ dân phố theo Chỉ thị số 21/CT-TTg, ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ Phương án số 2275/PA-UBND xã ngày 28/5/2026 của UBND xã về sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang.

II. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN SẮP XẾP

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là yêu cầu cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, một số thôn, tổ dân phố trên địa bàn còn có quy mô nhỏ, dân cư phân tán, chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; tổ chức bộ máy và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách còn công kênh, kiêm nhiệm nhiều chức danh, chất lượng hoạt động chưa đồng đều, trong khi yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở ngày càng cao, nhất là trong công tác quản lý dân cư, cải cách hành chính, chuyển đổi số, giữ gìn an ninh trật tự và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố gắn với rà soát, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ người hoạt động không chuyên trách sẽ góp phần tinh giản đầu mối, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, cơ cấu lại đội ngũ theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đồng thời tạo điều kiện thực hiện tốt hơn chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định của pháp luật.

Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý địa bàn, giữ vững quốc phòng, an ninh, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, tạo thuận lợi trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

Việc triển khai sắp xếp thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cần bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, thực hiện công khai, dân chủ, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG BẢN, TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA TRỰC TIẾP TẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

I. THỰC TRẠNG BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

1. Thực trạng về tổ chức bản, tổ dân phố

a) Tổng số bản, tổ dân phố hiện có

Tổng số bản, tổ dân phố hiện có trên địa bàn xã: 39 bản, tổ dân phố. Trong đó: gồm 28 bản và 11 tổ dân phố.

b) Quy mô bản, tổ dân phố:

- Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 về tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố có:

- 06 bản đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định: Bản Na Sang, Bản Co Đũa, Bản Sa Lông 1, Bản 36, Bản Sa Lông 2, Bản Hồ Chim 2.

- 33 bản, tổ dân phố chưa đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định, trong đó:

+ 09 bản có các yếu tố đặc thù (điều kiện kinh tế, lịch sử văn hóa, địa hình, dân cư...) chưa đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định: Bản Huồi Lóng, Bản Nậm Bó, Bản Chiêu Ly, Bản Thèn Pả, Bản Cồng Trời, Bản Ma Thì Hồ 1, Bản Làng Dung, Bản Ma Thì Hồ 2, Bản Huồi Chua.

+ 24 bản, tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại: Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ 6, Tổ 7, Tổ 8, Tổ 9, Tổ 10, Tổ 11, Bản Na Pheo, Bản Hin 1, Bản Hin 2, Bản Huồi Hạ, Bản Huồi Y, Bản Huồi Xuân, Bản Huồi Xưa, Bản Hồ Chim 1, Bản Nậm Chim, Bản Huồi Mý, Bản Huồi Sang, Bản Huồi Quang 2, Bản Huồi Quang 1.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 1a)

c) Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (*nhà văn hóa, khu vui chơi...*), phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Tổ chức tại bản, tổ dân phố

- Các tổ chức tại bản, tổ dân phố như: Chi bộ Đảng, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu Chiến binh, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội Người cao tuổi, Chi hội Chữ thập đỏ, Chi hội Nông dân đã thành lập đầy đủ theo quy định.

- Đối với Chi bộ bản, tổ dân phố:

+ Bản, tổ dân phố có 01 Chi bộ: 39

+ Bản, tổ dân phố có 02 Chi bộ trở lên: Không có

- Các tổ chức đều được kiện toàn khi có thay đổi về nhân sự.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục 1b kèm theo)

3. Điều kiện tự nhiên, địa hình, giao thông tác động đến việc sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố

- Xã Na Sang có địa hình chủ yếu là đồi núi, bị chia cắt bởi các dãy núi, khe suối và diện tích rừng tự nhiên, rừng sản xuất khá lớn. Các khu dân cư phân bố không đồng đều, nhiều bản nằm cách xa trung tâm xã, khoảng cách giữa các cụm dân cư lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước, tổ chức các hoạt động cộng đồng và cung cấp dịch vụ công.

- Hệ thống giao thông trên địa bàn những năm gần đây đã được quan tâm đầu tư, nhiều tuyến đường liên xã, liên bản được cứng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu kinh tế - xã hội giữa các bản. Tuy nhiên, một số tuyến đường đến các bản vùng cao, vùng xa vẫn còn khó khăn, đặc biệt trong mùa mưa thường xảy ra sạt lở, ngập úng cục bộ, gây ảnh hưởng đến việc kết nối giữa các khu dân cư.

- Việc xây dựng phương án sắp xếp bản, tổ dân phố trên địa bàn xã được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên các bản, tổ dân phố có vị trí địa lý liền kề, giao thông thuận lợi, có sự tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm phù hợp thực tiễn địa phương, ổn định đời sống Nhân dân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

II. THỰC TRẠNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA BẢN, TỔ DÂN PHỐ

1. Người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố

Hiện nay trên địa bàn xã đang bố trí tổng số: 117 người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố đang hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo Nghị

quyết số 23/2023/NQ-HĐND, ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên, trong đó:

- **Bí thư Chi bộ bản, tổ dân phố:** 39 người (có 02 Bí thư chi bộ kiêm tổ trưởng tổ dân phố). Trong đó: Nam 34 người (*tỷ lệ 87,17%*), nữ 05 người (*tỷ lệ 12,82%*).

+ Độ tuổi: Từ 30 tuổi trở xuống 01 người (*2,56%*); từ 31 – 40 tuổi 22 người (*56,41%*); từ 41-50 tuổi 07 người (*17,94%*); từ 51-55 tuổi 01 người (*2,56%*); từ 55 - 60 tuổi 02 người (*5,12%*); trên 60 tuổi 6 người (*15,38%*).

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học: 04 người (*10,25%*); Cao Đẳng: 03 người (*7,69%*); Trung cấp: 10 người (*25,64%*); chưa qua đào tạo: 22 người (*56,41%*).

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 02 người (*5,12%*); Trung cấp: 04 người (*10,25%*); Sơ cấp 03 người (*7,69%*); chưa qua đào tạo: 30 người (*76,92%*).

- **Trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố:** 39 người, trong đó: Nam 35 người (*tỷ lệ 89,74%*), nữ 4 người (*tỷ lệ 10,25%*), kiêm Bí thư chi bộ: 02 người (*tỷ lệ 5,12%*).

+ Độ tuổi: Từ 30 tuổi trở xuống 04 người (*10,25%*); từ 31 – 40 tuổi 16 người (*41,02%*); từ 41-50 tuổi 09 người (*23,07%*); từ 51-55 tuổi 01 người (*2,56%*); từ 55 - 60 tuổi 04 người (*10,25%*); trên 60 tuổi 05 người (*12,82%*).

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học: 05 người (*12,82%*); Cao Đẳng: 04 người (*10,25%*); Trung cấp: 05 người (*12,82%*); chưa qua đào tạo: 25 người (*64,10%*).

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 01 người (*2,56%*); Trung cấp: 03 người (*7,69%*); Sơ cấp 03 người (*7,69%*); chưa qua đào tạo: 32 người (*82,05%*).

- **Trưởng Ban Công tác mặt trận bản, tổ dân phố:** 39 người, trong đó: Nam 31 người (*tỷ lệ 79,48%*), nữ 08 người (*tỷ lệ 20,51%*).

+ Độ tuổi: Từ 30 tuổi trở xuống 03 người (*7,69%*); từ 31 – 40 tuổi 16 người (*41,02%*); từ 41-50 tuổi 6 người (*15,38%*); từ 51-55 tuổi 02 người (*5,12%*); từ 55 - 60 tuổi 04 người (*10,25%*); trên 60 tuổi 8 người (*20,51%*).

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học: 02 người (*5,12%*); Cao Đẳng: 02 người (*5,12%*); Trung cấp: 05 người (*12,82%*); chưa qua đào tạo: 30 người (*76,92%*).

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 0 người (*0%*); Trung cấp: 02 người (*5,12%*); Sơ cấp 01 người (*2,56%*); chưa qua đào tạo: 36 người (*92,30%*).

2. Người trực tiếp tham gia công việc của bản, tổ dân phố đang hưởng bồi dưỡng theo Nghị quyết 23, ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên

Tổng số 136 người, trong đó chia ra cụ thể theo các chức danh:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ: 39 người
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân: 39 người
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố: 31 người
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh: 27 người

3. Người trực tiếp tham gia công việc của bản, tổ dân phố đang hưởng bồi dưỡng theo NĐ16/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ72/2020/NĐ-CP)

- Lực lượng dân quân tự vệ: 39 người

+ Độ tuổi: Từ 30 tuổi trở xuống 7 người (17,94%); từ 31 – 40 tuổi 25 người (64,10%); từ 41-50 tuổi 7 người (17,94%); từ 51-55 tuổi 0 người(0%).

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học: 0 người (0 %); Cao Đẳng: 0 người (0%); Trung cấp: 0 người (0 %); chưa qua đào tạo: 39 người (100 %).

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 0 người (0%); Trung cấp: 0 người (0%); Sơ cấp 0 người (0 %); chưa qua đào tạo: 39 người (100 %).

4. Các trường hợp người tham gia công việc khác của bản, tổ dân phố đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo Nghị quyết 29/2025/NQ-HĐND, ngày 25/12/2025, sửa đổi bổ sung một số điều của NQ03/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 tỉnh Điện Biên.

Tổ an ninh trật tự ở cơ sở 114 người, bình quân mỗi bản, tổ dân phố có từ 3 trong đó có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó và 1 tổ viên.

5. Đánh giá chung về số lượng, hoạt động của các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của bản, tổ dân phố và người tham gia công việc khác của bản, tổ dân phố

a) Về ưu điểm

- Nhìn chung, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố được kiện toàn tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại cơ sở.

- Các chức danh này cơ bản có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với địa bàn dân cư, am hiểu tình hình nhân dân, kịp thời nắm bắt và phản ánh các vấn đề phát sinh ở bản, tổ dân phố.

- Công tác phối hợp giữa trưởng bản, tổ dân phố với chi bộ, ban công tác mặt trận và các tổ chức đoàn thể được duy trì nền nếp, góp phần triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

- Đội ngũ người trực tiếp tham gia công việc bản, tổ dân phố (*tổ an ninh, tổ hòa giải, tổ tự quản, cộng tác viên...*) hoạt động tương đối tích cực, hỗ trợ tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và các phong trào.

- Phần lớn cán bộ bản, tổ dân phố có uy tín trong cộng đồng, được nhân dân tin nhiệm, tạo thuận lợi trong công tác vận động, tuyên truyền.

b) Về tồn tại, hạn chế

- Một số bản, tổ dân phố quy mô nhỏ, số lượng người hoạt động không chuyên trách còn phân tán, dẫn đến hiệu quả điều hành chưa đồng đều giữa các bản, tổ dân phố.

- Trình độ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng quản lý hành chính của một bộ phận cán bộ bản, tổ dân phố còn hạn chế.

- Chế độ phụ cấp còn thấp, chưa tương xứng với khối lượng công việc, ảnh hưởng đến tính ổn định và động lực làm việc lâu dài.

- Một số tổ chức tự quản hoạt động chưa thường xuyên, còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa các lực lượng ở một số thời điểm chưa thật chặt chẽ.

- Việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ bản, tổ dân phố còn chậm, tỷ lệ người cao tuổi tham gia công tác thôn còn khá cao.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách còn thấp, chưa tạo được sức hút mạnh.

+ Khối lượng công việc ở cơ sở ngày càng nhiều nhưng cơ cấu tổ chức và biên chế không tăng tương ứng.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cán bộ bản, tổ dân phố chưa chủ động tự học tập, nâng cao kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Công tác rà soát, bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ kế cận ở một số bản, tổ dân phố chưa được quan tâm thường xuyên.

+ Tinh thần đổi mới, sáng tạo trong phương thức hoạt động ở một số tổ chức bản, tổ dân phố chưa cao, còn mang tính kinh nghiệm truyền thống.

III. SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Số lượng chức danh

- Số lượng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản/tổ dân phố sau sắp xếp không quá 03 người, gồm các chức danh: Trưởng bản hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư Chi bộ; Trưởng ban công tác Mặt trận.

- Ngoài 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố theo quy định, việc bố trí, sử dụng các chức danh khác tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố thực hiện theo quy định của HĐND tỉnh.

2. Tiêu chuẩn chức danh

- Đối với chức danh Trưởng bản hoặc Tổ trưởng tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; *đồng thời căn cứ tình hình thực tế, khuyến khích xem xét, lựa chọn nhân sự có trình độ văn hóa từ Trung học phổ thông, trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên; ưu tiên người trong độ tuổi lao động; trường hợp đặc biệt do Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý.*

- Đối với các chức danh Bí thư Chi bộ và Trưởng ban công tác Mặt trận: Thực hiện theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và quy chế, phân cấp quản lý cán bộ của xã.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN SẮP XẾP, BẢN/TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP BẢN/TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH

1. Sắp xếp, tổ chức lại 24 tổ dân phố, bản để thành lập 10 bản, tổ dân phố cụ thể:

1.1. Sắp xếp bản Na Pheo, tổ 11 và 48 hộ tổ 1 để thành lập bản Na Pheo

a) Hiện trạng

- Bản Na Pheo có 99 hộ; 459 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 11 có 95 hộ; 367 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 48 hộ Tổ 1 có 48 hộ; 192 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Na Pheo mới sau khi sắp xếp

- Bản Na Pheo sau khi thành lập có 242 hộ; 1018 nhân khẩu đảm bảo 100% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản sau sắp xếp nằm trên trục đường Quốc lộ 12, giao thông đi lại thuận lợi, hiện đã có 1 nhà văn hóa được đặt tại tổ 1 là nơi sinh hoạt cộng đồng của tổ 1.

c) Lý do sắp xếp: Có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....

1.2. Sắp xếp Bản Hin 1 với Bản Hin 2 để thành lập Bản Ta Luông

a) Hiện trạng

- Bản Hin 1 có 135 hộ; 652 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Bản Hin 2 có 81 hộ; 136 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Ta Luông mới sau khi sắp xếp

- Bản Ta Luông sau khi thành lập có 216 hộ; 788 nhân khẩu đảm bảo 100% quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản sau sắp xếp nằm trên trục đường Quốc lộ 12, giao thông đi lại thuận lợi, hiện đã có 1 nhà văn hóa trước kia là nhà văn hóa xã Na Sang(cũ) bàn giao lại cho Bản Hin 2 sử dụng sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hiện nay là nơi sinh hoạt cộng đồng của Bản Hin 1 và Bản Hin 2.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi (lấy tên gọi là Bản Ta Luông do Bản Hin có 3 khe : Nậm Múc, Nậm Mươn, Ta Luông. 3 khe này đều chảy về cầu Mường Mươn, là chỗ tắm của rồng và nhân dân gọi chung là khe Ta Luông. Ta là nước (trong tiếng Kháng), Luông (trong tiếng Kháng) là rồng. Ta Luông là nơi rồng tắm

1.3. Sắp xếp Bản Huổi Hạ với 1 cụm dân cư Bản Huổi Y (14 hộ) để thành lập Bản Huổi Hạ

a) Hiện trạng

- Bản Huổi Hạ có 95 hộ; 550 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Huổi Y có 14 hộ; 90 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Huổi Hạ mới sau khi sắp xếp

- Bản Huổi Hạ sau khi thành lập có 109 hộ; 640 nhân khẩu, chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản chưa có điện lưới, chưa có nhà văn hóa, giao thông đi lại khó khăn, chưa có đường bê tông đến bản, nên đi lại vào mùa mưa gặp nhiều khó khăn.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, có cùng đường biên giới, địa bàn đặc biệt khó khăn, dân cư sinh sống phân tán có thành phần dân tộc, tôn giáo, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi.

1.4. Sắp xếp Bản Huổi Xuân với bản Huổi Xưa để thành lập Bản Huổi Xuân

a) Hiện trạng

- Bản Huổi Xuân có 108 hộ; 603 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Bản Huổi Xưa có 54 hộ; 285 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Huổi Xuân mới sau khi sắp xếp

- Bản Huổi Xuân sau khi thành lập có 162 hộ; 888 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản chưa có nhà văn hóa, đã có đường bê tông đến bản, tuy nhiên vẫn còn 1 cụm dân cư chưa có điện lưới và chưa có đường bê tông đi vào các cụm dân cư.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi....

1.5. Sắp xếp Bản Hồ Chim 1 với bản Nậm Chim để thành lập Bản Hồ Chim 1

a) Hiện trạng

- Bản Hồ Chim 1 có 171 hộ; 835 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Bản Nậm Chim có 90 hộ; 473 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Hồ Chim 1 mới sau khi sắp xếp

- Bản Hồ Chim 1 sau khi thành lập có 261 hộ; 1308 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản đã có nhà văn hóa (sử dụng lại nhà văn hóa xã Ma Thì Hồ cũ) đã có đường bê tông đến bản, có điện lưới.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi...

1.6. Sắp xếp Bản Huổi Mý với Bản Huổi Sang và 1 cụm dân cư bản Huổi Quang 2 gồm 26 hộ để thành lập bản Huổi Sang.

a) Hiện trạng

- Bản Huổi Mý có 114 hộ; 688 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Bản Huổi Sang có 16 hộ; 95 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Bản Huổi Quang 2 có 26 hộ; 98 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Huổi Sang mới sau khi sắp xếp

- Bản Huổi Sang sau khi thành lập có 156 hộ; 881 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản đã có nhà văn hóa (tại bản Huổi Mý) đã có đường bê tông đến bản, có điện lưới.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp bản Huổi Sang và 26 hộ bản Huổi Quang 2 vào bản Huổi Mý do liền kề nhau và có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....

1.7. Sắp xếp Bản Huổi Quang 1 với 1 cụm dân cư Bản Huổi Quang 2 gồm 15 hộ và 1 cụm dân cư bản Huổi Y gồm 7 hộ để thành lập bản Huổi Quang.

a) Hiện trạng

- Bản Huổi Quang 1 có 75 hộ; 510 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Bản Huổi Quang 2 có 15 hộ; 53 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Bản Huổi Y có 7 hộ; 40 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Huổi Quang mới sau khi sắp xếp

- Bản Huổi Quang sau khi thành lập có 97 hộ; 603 nhân khẩu, chưa đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản chưa có nhà văn hóa, đã có đường bê tông đến bản, tuy nhiên 1 số cụm dân cư vẫn chưa có đường bê tông và chưa có điện lưới.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp bản Huổi Quang 1 và 15 hộ bản Huổi Quang 2 do liền kề nhau, có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi....

1.8. Sắp xếp Tổ 2 với Tổ 3, cụm dân cư Tổ 1 gồm 125 hộ và 1 cụm dân cư Tổ 4 gồm 25 hộ để thành lập Tổ 1.

a) Hiện trạng

- Tổ 2 có 64 hộ; 274 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 3 có 91 hộ; 327 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Tổ 1 có 125 hộ; 445 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Tổ 4 có 25 hộ; 64 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Tổ 1 mới sau khi sắp xếp

- Tổ 1 sau khi thành lập có 305 hộ; 1110 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Tổ 1 sau sắp xếp nằm trên trục đường quốc lộ 12, giao thông đi lại thuận lợi, hiện chưa có nhà văn hóa thôn.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, khu vực dân cư sát liền kề nhau, giao thông đi lại thuận lợi.

1.9. Sắp xếp Tổ 5 với Tổ 6, Tổ 7 và cụm dân cư Tổ 4 gồm 60 hộ để thành lập Tổ 2.

a) Hiện trạng

- Tổ 5 có 73 hộ; 229 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 6 có 115 hộ; 435 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 7 có 83 hộ; 285 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- 1 cụm dân cư Tổ 4 có 60 hộ; 258 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Tổ 2 mới sau khi sắp xếp

- Tổ 2 sau khi thành lập có 331 hộ; 1207 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Tổ 2 sau sắp xếp nằm trên trục đường quốc lộ 12, giao thông đi lại thuận lợi, hiện chưa có nhà văn hóa thôn.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, các khu vực dân cư liền kề nhau.

1.10. Sắp xếp Tổ 8 với Tổ 9 và Tổ 10 để thành lập Bản Nậm Mươn.

a) Hiện trạng

- Tổ 8 có 102 hộ; 345 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 9 có 86 hộ; 339 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Trưởng bản, Trưởng ban công tác Mặt trận)

- Tổ 10 có 64 hộ; 286 nhân khẩu. Người hoạt động không chuyên trách: 03 người (Bí thư chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận)

b) Bản Nậm Mươn mới sau khi sắp xếp

- Bản Nậm Mươn sau khi thành lập có 252 hộ; 970 nhân khẩu, đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo tiêu chuẩn quy định.

- Mô tả đặc điểm cụ thể: ...

+ Vị trí địa lý (phía Đông giáp ..., phía Tây giáp ..., phía Nam giáp ..., phía Bắc giáp ...)

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản sau sắp xếp nằm trên trục đường quốc lộ 12, giao thông đi lại thuận lợi, hiện có nhà văn hóa đặt tại tổ 10, tuy nhiên nhà văn hóa diện tích nhỏ, không thể sử dụng được so với quy mô dân số sau sáp nhập.

c) Lý do sắp xếp: Thực hiện sắp xếp do có sự tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, giao thông đi lại thuận lợi, các khu vực dân cư liền kề nhau.

2. Giữ nguyên 06 bản đã đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình, gồm:

2.1. Bản Na Sang

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 197 hộ; Số nhân khẩu: 890 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản nằm trên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện giao thông đi lại, bản chưa có nhà văn hóa.

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

- Tên gọi sau sắp xếp: Thôn Na Sang

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng ban công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh)

2.2. Bản Co Đưa

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 152 hộ; Số nhân khẩu: 702 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản nằm trên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện giao thông đi lại, bản chưa có nhà văn hóa.

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng ban công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
 - + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
 - + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
 - + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
 - + Lực lượng dân quân;
 - + Tổ an ninh cơ sở;
- (Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giám và kiêm nhiệm một số chức danh)

2.3. Bản Sa Lông 1

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 170 hộ; Số nhân khẩu: 772 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản nằm trên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện giao thông đi lại, bản có nhà văn hóa.

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng ban công tác mặt trận: 01 người.
- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
 - + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
 - + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
 - + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
 - + Lực lượng dân quân;
 - + Tổ an ninh cơ sở;
- (Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giám và kiêm nhiệm một số chức danh)

2.4. Bản 36

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 255 hộ; Số nhân khẩu: 1290 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu : Bản nằm trên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện giao thông đi lại, bản có nhà văn hóa.

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

- Tên gọi sau sắp xếp: Thôn 36

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh)

2.5. Bản Sa Lông 2

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 155 hộ; Số nhân khẩu: 882 người.

- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu : Bản nằm trên trục đường quốc lộ 12, thuận tiện giao thông đi lại, bản có nhà văn hóa.

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh)

2.6. Bản Hồ Chim 2

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 155 hộ; Số nhân khẩu: 777 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Bộ máy cán bộ không chuyên trách: 03 người gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng bản Trưởng ban công tác Mặt trận.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (điện, đường, trường, nhà văn hóa, nơi sinh hoạt đồng đồng, khu thể thao, khu vui chơi: ...)

b) Lý do giữ ổn định: Bản đã đủ tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 185/2026/NĐ-CP

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

- Số lượng người không chuyên trách tiếp tục công tác tại bản 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh)

3. Giữ nguyên 09 bản không đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình nhưng có yếu tố đặc thù

3.1. Bản Huổi Lóng

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 91 hộ; Số nhân khẩu: 546 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Đã có đường bê tông đi vào bản, bản, giao thông đi lại thuận tiện, đã có điện lưới, chưa có nhà văn hóa.

b) Lý do: Giữ nguyên, không sắp xếp do địa bàn rộng, dân cư phân tán thành 3 cụm; khoảng cách với bản liền kề (Bản Hin 1) khoảng 7km và đặc thù thành phần dân tộc, tôn giáo, hướng phát triển bản du lịch cộng đồng.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 03 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh)

3.2. Bản Nậm Bó

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 111 hộ; Số nhân khẩu: 601 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Đã có đường bê tông đi vào bản, bản, giao thông đi lại thuận tiện, đã có điện lưới, chưa có nhà văn hóa.

b) Lý do: Giữ nguyên, không sắp xếp do địa bàn rộng, dân cư phân tán; khoảng cách với bản liền kề (Bản Huổi Hạ khoảng 8km, bản Na Sang khoảng 7km) và đặc thù thành phần dân tộc, tôn giáo, bản biệt lập với các bản khác.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người, Khuyết 01 Bí thư chi bộ(do xin nghỉ).

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.3. Bản Chiêu Ly

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 98 hộ; Số nhân khẩu: 525 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu : Bản đã có nhà văn hóa và điện lưới quốc gia.

b) Lý do: Địa bàn rộng, chia cắt phức tạp khoảng cách với bản liền kề (bản Sa Lông 1) khoảng 8km; cách bản Thèn Pả khoảng 5km; dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, bản biệt lập, địa hình trên cao; có sự khác biệt về phong tục tập quán với các bản khác

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.4. Bản Thèn Pả

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 73 hộ; Số nhân khẩu: 425 người.

- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản đã có điện lưới và đường bê tông đi vào bản, tuy nhiên đường hiện nay đã xuống cấp cần được duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo đi lại.

b) Lý do: Đặc thù văn hóa dân tộc Hoa (Xạ Phang) phong tục tập quán khác nhau với các dân tộc khác; khoảng cách với bản liền kề với bản gần nhất (bản Chiêu Ly) khoảng 5km; là bản biệt lập dưới thung lũng và có sự khác biệt về phong tục tập quán với các bản khác

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;

- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
 - + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
 - + Lực lượng dân quân;
 - + Tổ an ninh cơ sở;
- (Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.5. Bản Công Trời

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 64 hộ; Số nhân khẩu: 336 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (điện, đường, trường, nhà văn hóa, nơi sinh hoạt đồng đồng, khu thể thao, khu vui chơi: ...)

b) Lý do: Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Sa Lông 1) khoảng 6km; dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, hướng phát triển du lịch cộng đồng và có sự khác biệt về phong tục tập quán với bản Thèn Pả.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
 - + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
 - + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
 - + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
 - + Lực lượng dân quân;
 - + Tổ an ninh cơ sở;
- (Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.6. Bản Ma Thì Hồ 1

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 66 hộ; Số nhân khẩu: 392 người.
- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ
- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản chưa có nhà văn hóa.

b) Lý do: Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Ma Thì Hồ 2) khoảng 7km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi, bản không theo tôn giáo.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.7. Bản Làng Dung

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 89 hộ; Số nhân khẩu: 475 người.

- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu: Bản đã có nhà văn hóa.

b) Lý do: Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Ma Thì Hồ 1) khoảng 6km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi; bản có thành phần dân tộc, tôn giáo.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.8. Bản Ma Thì Hồ 2

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 90 hộ; Số nhân khẩu: 476 người.

- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (điện, đường, trường, nhà văn hóa, nơi sinh hoạt đồng đồng, khu thể thao, khu vui chơi: ...)

b) Lý do: Giữ nguyên do địa bàn rộng, khoảng cách với bản liền kề (bản Làng Dung) khoảng 6,5 km, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, có thành phần dân tộc , tôn giáo, điều kiện giao thông đi lại không thuận lợi.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;
- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

3.9. Bản Huổi Chua

a) Hiện trạng

- Số hộ gia đình: 61 hộ; Số nhân khẩu: 322 người.

- Số chi bộ, đảng bộ tại bản: 01 chi bộ

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (điện, đường, trường, nhà văn hóa, nơi sinh hoạt đồng đồng, khu thể thao, khu vui chơi: ...)

b) Lý do: Giữ nguyên do bản cách xa bản liền kề (bản Huổi Quang 1, Huổi Quang 2 gần 5km); dân cư sinh sống phân tán, giao thông đi lại khó khăn, địa hình chia cắt, có vị trí biệt lập, thành phần dân tộc, tôn giáo, bản giáp biên giới.

c) Phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách

(Tiếp tục giữ ổn định bộ máy 03 người. Bố trí kiêm nhiệm các chức danh là người trực tiếp tham gia các hoạt động của bản)

- Bộ máy cán bộ không chuyên trách tiếp tục tham gia công tác tại bản: 02 người, cụ thể: Bí thư chi bộ: 01 người; Trưởng bản: 01 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 01 người.

- Bố trí, sắp xếp công tác khác đối với những Người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản gồm:

- + Chi hội trưởng Hội phụ nữ;

- + Chi hội trưởng Hội Nông dân;
- + Bí thư chi đoàn bản, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh;
- + Lực lượng dân quân;
- + Tổ an ninh cơ sở;

(Tùy vào điều kiện thực tế của bản sẽ giảm và kiêm nhiệm một số chức danh).

II. KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP

1. Tổng thể bản/tổ dân phố sau khi sắp xếp

Sau sắp xếp xã Na Sang còn 25 bản. tổ dân phố đạt tỷ lệ giảm 64,10%, trong đó

- 12 bản đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định;
- 11 bản chưa đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định.
- 02 tổ đảm bảo tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định;

2. Phương án bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách

Sau khi sắp xếp, tổng số người tiếp tục bố trí làm hoạt động không chuyên trách ở bản/tổ dân phố trên địa bàn xã/phường là 75 người. trong đó: Bí thư Chi bộ: 25 người; Trưởng bản/Tổ trưởng tổ dân phố: 25 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 25 người

Số người hoạt động không chuyên trách không tiếp tục tham gia công tác tại bản/tổ dân phố và cần thực hiện giải quyết chế độ chính sách là 42 người, cụ thể: Bí thư Chi bộ: 14 người; Trưởng bản/Tổ trưởng tổ dân phố: 14 người; Trưởng bản công tác mặt trận: 14 người.

(Có Phụ lục 2a chi tiết kèm theo)

3. Phương án bố trí, sử dụng người trực tiếp tham gia các hoạt động ở bản, tổ dân phố.

(Có Phụ lục 2b chi tiết kèm theo)

4. Phương án sử dụng trụ sở, nhà văn hóa bản(tổ dân phố) sau sắp xếp

(Có Phụ lục 3 chi tiết kèm theo)

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Hoàn thành xây dựng Đề án

Chậm nhất ngày 15/6/2026

2. Lấy ý kiến cử tri vào Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản tổ dân phố và tên gọi sau sắp xếp

- Hình thức lấy ý kiến: Cử tri đại diện hộ gia đình(thông qua biểu quyết tại cuộc họp hoặc phiếu lấy ý kiến)

- Thời gian: **Dự kiến ngày 15/6 – 25/6/2026**

- Các Tổ công tác phối hợp chặt chẽ với cấp ủy chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng bản, trưởng Ban công tác Mặt trận các đoàn thể bản, tổ dân phố dự kiến sắp xếp, sáp nhập tổ chức hội nghị cử tri để tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về Đề án sắp xếp, sáp nhập bản, tổ dân phố và tên gọi sau sắp xếp.

3. Thông qua Đề án sắp xếp, sáp nhập các bản, tổ dân phố và tên gọi mới sau sắp xếp

- Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân, hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định Đề án sắp xếp, sáp nhập bản, tổ dân phố và tên gọi sau sắp xếp tại kỳ họp của HĐND xã theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã ban hành Nghị quyết (thành phần hồ sơ theo khoản 3, Điều 12 Nghị định 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ)

- Đối với các bản, tổ dân phố chịu sự sắp xếp, hoặc bản, tổ dân phố quyết trưởng bản, tổ dân phố, UBND xã chỉ định trưởng bản, tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của bản, tổ dân phố cho đến khi bầu được trưởng bản, tổ dân phố không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định lâm thời (Khoản 2, Điều 4, NĐ185)

- Thời gian: **Hoàn thành xong trước ngày 30/6/2026**

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI BẢN, TỔ DÂN PHỐ

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Chủ trì xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp lại bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND xã, các bản, tổ dân phố tham tổ chức hội nghị cử tri, lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp các bản, tổ dân phố theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Công an xã, các các bản, tổ dân phố trong việc rà soát số hộ, số khẩu của các các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã phục vụ việc sắp xếp các bản, tổ dân phố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và sự cần thiết của việc sắp xếp các bản, tổ dân phố nhằm tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Phối hợp rà soát, đánh giá hiện trạng nhà văn hóa, khu thể thao và các thiết chế văn hóa tại các các bản, tổ dân phố; tham mưu phương án bố trí, quản lý, sử dụng hiệu quả nhà văn hóa, tài sản công sau sắp xếp, tránh lãng phí.

- Hướng dẫn các các bản, tổ dân phố thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại địa bàn sau sắp xếp.

2. Trung tâm dịch vụ tổng hợp

Tăng cường tuyên truyền các tin, bài về quá trình tổ chức thực hiện và kết quả lấy ý kiến của người dân về Đề án sắp xếp, tổ chức lại bản, tổ dân phố.

3. Phòng Kinh tế

- Hướng dẫn các các bản, tổ dân phố rà soát, thống kê, bàn giao tài chính, tài sản, trang thiết bị và đất đai giữa thôn cũ và thôn mới sau sắp xếp.

- Tham mưu bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên cho các các bản, tổ dân phố sau sắp xếp.

4. Văn phòng HĐND - UBND xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản của các thôn theo quy định.

- Chủ trì kiểm tra, thẩm định, cho ý kiến vào các văn bản liên quan đến việc sắp xếp các bản, tổ dân phố n bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, bảo đảm tiến độ triển khai việc sắp xếp các bản, tổ dân phố.

5. Công an xã

- Đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nắm bắt dư luận trong nhân dân liên quan đến việc sắp xếp các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã.

- Phối hợp cung cấp thông tin về số hộ, số khẩu của các các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã phục vụ việc sắp xếp các bản, tổ dân phố.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, thống nhất thực hiện chủ trương sắp xếp các bản, tổ dân phố.

- Phối hợp nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phản ánh với cấp ủy, chính quyền để xem xét giải quyết.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc kiện toàn tổ chức đoàn thể tại thôn mới sau sắp xếp.

7. Các Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Trưởng các bản, Tổ trưởng tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể ở các bản, tổ dân phố

- Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương sắp xếp các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã.

- Phối hợp tổ chức hội nghị cử tri, lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp các bản, tổ dân phố theo quy định.

- Thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung liên quan khi thực hiện sắp xếp.

- Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng Nhân dân, kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Phần thứ năm

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

I. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SAU SẮP XẾP

1. Hiệu quả về tổ chức bộ máy và quản lý địa bàn

- Tổ chức bộ máy được tinh gọn hơn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của cấp ủy, chính quyền được tập trung, thống nhất; việc triển khai các chủ trương, chính sách đến Nhân dân thuận lợi hơn.

2. Hiệu quả về sử dụng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách

Đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách từng bước được bố trí phù hợp với năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Hiệu quả về kinh tế - xã hội

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được khai thác và sử dụng hiệu

quả hơn, góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước.

- Sau sắp xếp, quy mô địa bàn, dân số được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi để huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương.

4. Hiệu quả về quốc phòng, an ninh và đoàn kết cộng đồng

- Tinh thần đoàn kết trong Nhân dân cơ bản được giữ vững; người dân đồng tình, ủng hộ chủ trương sắp xếp của Đảng và Nhà nước.

- Sau sắp xếp, việc nắm tình hình cơ sở, quản lý nhân hộ khẩu, quản lý cư trú và giải quyết các vụ việc phát sinh được thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế các điểm nóng, tranh chấp và các hành vi vi phạm pháp luật.

5. Hiệu quả về cải cách hành chính và chuyển đổi số

Việc quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn; công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được chuyển biến tích cực

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện

- Một số người dân còn tâm lý băn khoăn, lo lắng khi thực hiện sáp nhập bản do thay đổi tên gọi, địa giới, phong tục sinh hoạt hoặc ảnh hưởng đến lợi ích, tập quán sinh hoạt truyền thống của cộng đồng.

- Địa bàn sau sắp xếp rộng hơn, dân số tăng, gây khó khăn cho công tác quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và đội ngũ người hoạt động ở bản.

- Việc bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản còn gặp khó khăn; một số trường hợp có tâm tư do chấm dứt hoặc thay đổi nhiệm vụ công tác.

- Một số bản có điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, thành phần dân tộc khác nhau nên quá trình thống nhất quy ước, hương ước và tổ chức các hoạt động chung còn gặp khó khăn.

- Công tác tuyên truyền, vận động tại một số thời điểm chưa thật sự sâu rộng; việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân có lúc chưa kịp thời.

- Một số quy định, hướng dẫn liên quan đến tổ chức hoạt động của bản sau sáp nhập còn chưa thống nhất hoặc thay đổi trong quá trình thực hiện, dẫn đến lúng túng ở cơ sở.

2. Hạn chế sau sắp xếp

- Hiệu quả hoạt động của một số bản sau sáp nhập chưa thật sự đồng đều; việc phối hợp triển khai nhiệm vụ ở một số nơi còn chậm.

- Công tác quản lý địa bàn rộng, dân số đông dẫn đến việc nắm bắt tình hình cơ sở có thời điểm chưa kịp thời.

- Một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý chưa đồng thuận hoàn toàn với việc sắp xếp, sáp nhập bản.

- Việc phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư ở một số nơi còn hạn chế; tinh thần tham gia các hoạt động chung chưa cao.

- Cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại một số bản sau sáp nhập còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; khoảng cách đi lại của người dân đến nhà văn hóa bản, địa điểm họp dân còn xa.

- Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở bản sau sắp xếp có nơi còn chưa phù hợp với năng lực, sở trường.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách có thời điểm chưa thường xuyên, chưa sâu rộng đến toàn thể Nhân dân.

- Một số bản có điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, thành phần dân tộc khác nhau nên quá trình thống nhất quy ước, hương ước và tổ chức các hoạt động chung còn gặp khó khăn.

- Công tác huy động nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động của bản sau sáp nhập còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân ở một số thời điểm chưa thật sự sâu rộng, hình thức tuyên truyền chưa phong phú nên một bộ phận người dân chưa hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp.

- Địa bàn sau sáp nhập rộng hơn, dân số đông hơn trong khi lực lượng cán bộ ở cơ sở còn mỏng, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý và triển khai nhiệm vụ.

- Việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở bản chịu tác động trực tiếp đến quyền lợi, chế độ nên phát sinh tâm tư, nguyện vọng trong quá trình thực hiện.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số nội dung triển khai có lúc chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ.

- Một số văn bản hướng dẫn, quy định liên quan đến tổ chức và hoạt động của bản sau sáp nhập còn thay đổi hoặc chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

- Năng lực, kinh nghiệm của một số cán bộ, người hoạt động ở bản trong xử lý công việc sau sắp xếp còn hạn chế, nhất là trong giai đoạn đầu thực hiện.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

- Việc sắp xếp, sáp nhập các bản, tổ dân phố là chủ trương đúng đắn, cần thiết nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tế của địa phương.

- Quá trình xây dựng Đề án được thực hiện bảo đảm đúng quy định, phù hợp với định hướng của cấp trên và điều kiện thực tế tại địa phương; đồng thời nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên, Nhân dân trên địa bàn.

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy ở các bản, tổ dân phố sẽ được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả; cơ sở vật chất, nguồn lực được sử dụng hợp lý, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của cộng đồng dân cư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh tại địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất: Đối với Tỉnh:

- Quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các bản, tổ dân phố, nhất là về trình tự, thủ tục và hồ sơ theo quy định.

- Xem xét, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ phục vụ công tác sắp xếp, tổ chức hội nghị cử tri, kiện toàn tổ chức và xử lý cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp.

- Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư sau

sắp xếp theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại các bản, tổ dân phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn xã, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để triển khai, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ (Báo cáo);
- TT. Đảng ủy xã (báo cáo);
- TT. HĐND xã (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Các bản, tổ dân phố trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Phụ lục 3

Phương án sử dụng trụ sở, nhà văn hóa thôn (tổ dân phố) sau sắp xếp
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND, ngày /6/2026 của UBND xã Na Sang)

STT	Thôn, TDP	Số lượng hiện có	Phương án xử lý		Ghi chú	
			Tiếp tục làm trụ sở, nhà văn hoá	Không tiếp tục sử dụng		
				Số lượng		Phương án sử dụng
1	Thôn Ta Luông	01	x		NVH xã Na Sang cũ	
2	Bản Sa Lông 1	01	x			
3	Bản Chiêu Ly	01	x			
4	Bản Thèn Pả	01	x			
5	Thôn 36	01	x			
6	Bản Cổng Trời	01	x			
7	Bản Sa Lông 2	01	x			
8	Bản Làng Dung	01	x			
9	Bản Hồ Chim 2	01	x			
10	Bản Ma Thi Hồ 2	01	x			
11	Bản Hồ Chim 1	01	x		NVH xã Ma Thi Hồ cũ	
12	Bản Huổi Mý	01	x			
13	Thôn Nậm Mươn	01	x			
	Tổng cộng					

Phụ lục 1a
Thống kê hiện trạng bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND, ngày /6/2026 của UBND xã Na Sang)

STT	Tên bản, tổ dân phố	Số hộ gia đình	Số người hoạt động không chuyên trách	Số người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Ghi chú
1	Bản Na Pheo	99	3	9	
2	Bản Na Sang	192	3	10	
3	Bản Co Đũa	152	3	9	
4	Bản Hin 1	135	3	9	
5	Bản Hin 2	81	3	9	
6	Bản Huổi Lóng	91	3	9	
7	Bản Huổi Hạ	95	3	9	
8	Bản Huổi Y	21	3	9	
9	Bản Huổi Xuân	108	3	10	
10	Bản Huổi Xưa	54	3	9	
11	Bản Nậm Bó	111	3	10	
12	Bản Sa Lông 1	170	3	9	
13	Bản Chiêu Ly	98	3	10	
14	Bản Thèn Pả	73	3	10	
15	Bản 36	255	3	10	
16	Bản Cồng Trời	64	3	10	
17	Bản Sa Lông 2	155	3	10	
18	Bản Ma Thì Hồ 1	66	3	10	
19	Bản Làng Dung	89	3	8	
20	Bản Hồ Chim 2	155	3	8	
21	Bản Ma Thì Hồ 2	90	3	8	
22	Bản Hồ Chim 1	171	3	9	
23	Bản Nậm Chim	90	3	9	
24	Bản Huổi Mỹ	114	3	8	

25	Bản Huồi Sang	16	3	9	
26	Bản Huồi Chua	61	3	9	
27	Bản Huồi Quang 1	75	3	9	
28	Bản Huồi Quang 2	41	3	9	
29	Tổ dân phố 11	95	3	8	
30	Tổ dân phố 1	173	3	8	
31	Tổ dân phố 2	64	3	8	
32	Tổ dân phố 3	91	3	8	
33	Tổ dân phố 4	85	3	8	
34	Tổ dân phố 5	73	3	7	
35	Tổ dân phố 6	115	3	8	
36	Tổ dân phố 7	83	3	8	
37	Tổ dân phố 8	102	3	8	
38	Tổ dân phố 9	86	3	7	
39	Tổ dân phố 10	64	3	8	

Phụ lục 1b
Thực trạng số lượng người hoạt động không chuyên trách,
người trực tiếp tham gia công việc ở bản, tổ dân phố trên địa bàn xã Na Sang
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND, ngày /6/2026 của UBND xã Na Sang)

STT	Chức danh	Số lượng	Ghi chú
1	Bí thư chi bộ	39	
2	Trưởng bản (Tổ trưởng TDP)	39	
3	Trưởng ban công tác mặt trận	39	
4	Thôn đội trưởng	39	
5	Nhân viên y tế bản	18	
6	Nhân viên khuyến nông, khuyến lâm, thú y	0	
7	Bí thư Chi đoàn	31	
8	Chi hội trưởng Phụ nữ	39	
9	Chi hội trưởng nông dân	39	
10	Chi hội trưởng Cựu chiến binh	27	
11	Chi hội trưởng Người cao tuổi	39	
12	Chi hội trưởng Hội Chũ thập đỏ	39	
13	Chi hội trưởng Hội Khuyến học	39	
14	Tổ an ninh cơ sở	114	

Phụ lục 2a

Phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách thôn, bản sau sắp xếp
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND, ngày /6/2026 của UBND xã Na Sang)

STT	Tên thôn (TDP)	Số lượng trước sắp xếp	Phương án sắp xếp		Ghi chú
			Tiếp tục bố trí ở thôn mới sau sắp xếp	Bố trí nghỉ và giải quyết chế độ	
1	Bản Co Đũa	3	3	0	
2	Bản Sa Lông 1	3	3	0	
3	Bản 36	3	3	0	
4	Bản Sa Lông 2	3	3	0	
5	Bản Hồ Chim 2	3	3	0	
6	Thôn Na Sang	3	3	0	
7	Bản Huổi Lóng	3	3	0	
8	Bản Nậm Bó	3	3	0	
9	Bản Chiêu Ly	3	3	0	
10	Bản Thèn Pả	3	3	0	
11	Bản Củng Trời	3	3	0	
12	Bản Ma Thì Hồ 1	3	3	0	
13	Bản Làng Dung	3	3	0	
14	Bản Ma Thì Hồ 2	3	3	0	
15	Bản Huổi Chua	3	3	0	
16	Thôn Na Pheo	6	3	3	
17	Thôn Ta Luông	6	3	3	
18	Bản Huổi Xuân	6	3	3	
19	Bản Hồ Chim 1	6	3	3	
20	Bản Huổi Sang	6	3	3	
21	Thôn Nậm Mươn	9	3	6	
22	Thôn Trung Tâm	12	3	9	
23	Thôn Pá Mươn	9	3	6	

24	Bản Huỗi Hạ	6	3	3	
25	Bản Huỗi Quang	6	3	3	
	Cộng	117	75	42	

Phụ lục 2b
Phương án bố trí người tham gia công việc trực tiếp ở bản, tổ dân phố
sau sắp xếp
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND, ngày /6/2026 của UBND xã Na Sang)

STT	Tên thôn (TDP)	Số lượng trước sắp xếp	Phương án sắp xếp		Ghi chú
			Tiếp tục bố trí ở thôn, bản mới sau sắp xếp	Bố trí nghỉ	
1	Bản Na Pheo	9			
2	Bản Na Sang	10			
3	Bản Co Đũa	9			
4	Bản Hin 1	9			
5	Bản Hin 2	9			
6	Bản Huổi Lóng	9			
7	Bản Huổi Hạ	9			
8	Bản Huổi Y	9			
9	Bản Huổi Xuân	10			
10	Bản Huổi Xưa	9			
11	Bản Nậm Bó	10			
12	Bản Sa Lông 1	9			
13	Bản Chiêu Ly	10			
14	Bản Thèn Pả	10			
15	Bản 36	10			
16	Bản Cống Trời	10			
17	Bản Sa Lông 2	10			
18	Bản Ma Thì Hồ 1	10			
19	Bản Làng Dung	8			
20	Bản Hồ Chim 2	8			
21	Bản Ma Thì Hồ 2	8			
22	Bản Hồ Chim 1	9			
23	Bản Nậm Chim	9			

24	Bản Huồi Mỹ	8			
25	Bản Huồi Sang	9			
26	Bản Huồi Chua	9			
27	Bản Huồi Quang 1	9			
28	Bản Huồi Quang 2	9			
29	Tổ dân phố 11	8			
30	Tổ dân phố 1	8			
31	Tổ dân phố 2	8			
32	Tổ dân phố 3	8			
33	Tổ dân phố 4	8			
34	Tổ dân phố 5	7			
35	Tổ dân phố 6	8			
36	Tổ dân phố 7	8			
37	Tổ dân phố 8	8			
38	Tổ dân phố 9	7			
39	Tổ dân phố 10	8			
	Cộng	343			